

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11- 7-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Bà Lê Ngọc Kiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Trường, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 124/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1983. Nơi đăng ký thường trú: Ấp G, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là ấp G, xã C, tỉnh Cà Mau) (có đơn yêu cầu vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng X, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp G, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là ấp G, xã C, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Như B tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 4 năm 2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án: Bà N và ông X xây dựng hôn nhân năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Cà Mau) vào ngày 15/7/2011. C sống có 02 người con chung là cháu Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 15/03/2012, cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 27/10/2013. Hiện cháu Đ và cháu K

đang sống cùng ông X tại ấp G, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là ấp G, xã C, tỉnh Cà Mau).

Nguyên nhân yêu cầu ly hôn: Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi, ông X hay ghen tuông, dùng những lời nói xúc phạm, có dùng bạo lực đối với bà N, bà N đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông X không cải thiện mà còn tệ hơn. Ngoài ra, quá trình chung sống, ông X không quan tâm, chăm sóc vợ, con.

Sau khi cưới, ông X và bà N sống chung với cha mẹ ông X tại ấp Á, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, đến 2015 vợ chồng bà N đi làm và gửi tiền về cha mẹ chồng nuôi hai con. Từ đó có bao nhiêu tiền chi xài hết không tích lũy, tạo lập tài sản chung; nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vào năm 2021, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, ông X bỏ về nhà cha mẹ ông X ở ấp G, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu và từ đó vợ chồng ông X và bà N cũng ly thân cho đến nay. Quá trình ly thân, ông X không có biện pháp hàn gắn.

Nay bà N yêu cầu ly hôn với ông X, yêu cầu Tòa án xem xét nguyện vọng các con, nếu con theo bà N thì bà N nuôi, bà N không yêu cầu ông X cấp dưỡng; nếu con theo ông X thì bà N cũng đồng ý và bà Như K1 phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Nguyễn Hoàng X không có lời khai trong hồ sơ. Lý do, Tòa án nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Hoàng X đến Tòa án làm việc nhưng ông Nguyễn Hoàng X không đến; Tòa án đến nhà lấy lời khai nhưng ông Nguyễn Hoàng X không có nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Phạm Thị N đối với ông Nguyễn Hoàng X. Về con chung: Đề nghị hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 15/03/2012, cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 27/10/2013 cho ông Nguyễn Hoàng X nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông X không yêu cầu bà Như D nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 10 tháng 4 năm 2025, bà N nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với ông Nguyễn Hoàng X, đăng ký thường trú tại ấp G, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là ấp G, xã C, tỉnh Cà Mau) . Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời,

bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, riêng ông X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần hai không rõ lý do nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông X theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Bà N và ông X chung sống với nhau năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Cà Mau) ngày 15/7/2011 nên hôn nhân giữa bà N và ông X là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Theo bà N xác định quá trình chung sống, bà N và ông X thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không tôn trọng nhau, thường xuyên cự cãi, nguyên nhân do ông X thiếu tin tưởng, ghen bà N với người khác. Bà N và ông X đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu ly hôn với ông X. Phía ông X không có lời khai trong hồ sơ, do Tòa án triệu tập ông X đến Tòa làm việc nhưng ông X không đến, Tòa án đến nhà lấy lời khai thì ông X không có nhà. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai bà N phù hợp với lời khai T ấp Giồng Bướm A, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay ấp Giồng Bướm A, xã C, tỉnh Cà Mau) là ông Nguyễn Việt D1 và mẹ ông X là bà Nguyễn Thị N1 xác định: Quá trình chung sống, bà N và ông X có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì bà N1 và ông D1 không rõ, mấy năm nay bà N không về nhà tại ấp Á, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay ấp Giồng Bướm A, xã C, tỉnh Cà Mau).

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa bà N và ông X không còn hạnh phúc, quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn này đã trầm trọng, bà N và ông X đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Bà N không còn tình cảm với ông X; bản thân ông X cũng không tha thiết với cuộc hôn nhân này, bởi lẽ ông X biết việc bà N nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng ông X bỏ mặc, không đến Tòa án trình bày có muốn hàn gắn, đoàn tụ với bà N hay không; từ đó cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà N yêu cầu được ly hôn với ông X là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông X.

[4]. Về con chung: Bà N và ông X chung sống với nhau có 02 người con chung, cháu Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 15/03/2012, cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 27/10/2013. Hiện cháu Đ và cháu K đang sống chung với ông X. Quá trình làm việc tại Tòa án, bà N yêu cầu Tòa án xem xét nguyện vọng các con, nếu con theo bà N thì bà N nuôi, bà N không yêu cầu ông X cấp dưỡng; nếu con theo ông X thì bà N cũng đồng ý và bà Như K1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đầy đủ đảm bảo các điều kiện cho con chưa thành niên. Trên cơ sở ý chí của bà N và nguyện vọng của cháu Đ và cháu K, cần tiếp tục giao cháu Đ và cháu K cho ông X tiếp tục nuôi dạy,

chăm sóc, giáo dục. Bà Như K1 trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình làm việc tại Tòa án, bà Như K1 tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Đ, cháu K; ông X không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi cháu Đ và cháu K nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định, quá trình chung sống không có tạo lập tài sản chung, không nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Bà N phải chịu 300.000 đồng, bà N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004745 ngày 21 tháng 4 năm 2025 được chuyển thu án phí.

[8]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Phạm Thị N đối với ông Nguyễn Hoàng X. Xử cho bà Phạm Thị Như ly H đối với ông Nguyễn Hoàng X.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 15/03/2012, cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 27/10/2013 cho ông Nguyễn Hoàng X tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu Đ và cháu K đang sống cùng ông X.

Bà Phạm Thị Như K1 trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Hoàng X không yêu cầu bà Phạm Thị N cấp dưỡng nuôi cháu Đ và cháu K nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng, bà N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0004745 ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, được chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân **xã Châu Thới, tỉnh Cà Mau;**
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi